

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2025/DS-PT

Ngày 07-3-2025

V/v tranh chấp mở lối đi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đề

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2025/TLPT-DS, ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp mở lối đi”.

Do bản án sơ thẩm số 143/2024/DS-ST, ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2025/QĐ-PT, ngày 20 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961 (Có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh (văn bản ủy quyền ngày 14/01/2023 có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Vĩnh B, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh T (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Hà Thái H1, sinh năm 1983 (Có mặt); Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông Hà Thái H1: Bà Nguyễn Thị Tô M, sinh năm 1996; địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1981 (Có mặt); Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Ngọc Y: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2023) (Có mặt). Ông Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 16/5/2024) (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Nguyễn Thị Y1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Chị Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Anh Thái Văn B1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

5. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

6. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1995. Địa chỉ : Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Hà Thái H1 và bà Nguyễn Ngọc Y là các bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 13/01/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H trình bày và yêu cầu:*

Gia đình ông bà có thửa đất 170, diện tích 1.605,0m², tờ bản đồ số 47, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, loại đất trồng cây lâu năm, giáp liền kề với thửa đất 61 và 67 của con ông bà là Nguyễn Văn T1. Từ năm 2000, gia đình ông bà có sử dụng một phần đất trong tổng diện tích 2.215m², thuộc thửa 74, tờ bản đồ 47 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn R làm lối đi. Trước năm 2000, cũng đi lối này nhưng chỉ là đường mòn nhỏ, vì lối đi này thuận tiện hơn, gần hơn để ra đường đê bao Sông Cần C, thỉnh thoảng cũng có đi lối ngược lại trên đất của người chị tên Nguyễn Thị T4, đất bà Lê Thị M1, đất bà Nguyễn Thị Đ để ra đường bê tông công cộng. Nhưng thời gian sau, những chủ đất này và bà Đ không còn cho hộ gia đình ông bà đi qua trên đất của họ nữa và từ nhà ông bà đi lối đi này là xa hơn, không gần hơn, không thuận tiện hơn như bị đơn khai. Diện tích 2.215m², thuộc thửa 74, tờ bản đồ 47 năm 2022, ông Nguyễn Văn R chuyển nhượng lại cho ông Hà Thái H1 và bà Nguyễn Ngọc Y, trong thời gian này gia đình ông bà vẫn sử dụng lối đi này ra, vào

đường công cộng. Nhưng từ tháng 5/2022, ông H1 bà Y thuê người kéo hàng rào kẽm gai, chôn trụ đá, đào mương cắt ngang không cho gia đình ông bà đi, gây khó khăn cho gia đình ông bà trong việc đi lại hàng ngày, gia đình ông bà không có lối đi khác, đây là lối đi duy nhất nên đã ngăn cản, chính quyền địa phương cũng có yêu cầu hai bên chấm dứt hành vi để chờ kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền, gia đình ông bà cũng yêu cầu được thỏa thuận về giá với ông H1, bà Y để được mua lại lối đi này, nhưng bên ông H1 bà Y không đồng ý nên ông bà khởi kiện yêu cầu ông H1, bà Y mở lối đi diện tích khoảng 180m² (ngang 2,5m x dài 72m), thuộc thửa đất 74 của ông H1, bà Y và đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông H1 bà Y, yêu cầu mở lối đi, nhưng theo diện tích đo đạc thực tế là 138,3m² (ngang 02 mét x dài một cạnh bằng 70,70 mét và một cạnh bằng 70,20 mét) trên thửa đất 74, trong diện tích 2.215m², tờ bản đồ 47, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông H1, bà Y. Ông L, bà H và các thành viên hộ gia đình đồng ý đền bù giá trị đất theo kết quả thẩm định giá bằng 1.000.000đ/m², đối với 19 trụ đá bê tông do ông H1, bà Y cắm thì ông bà yêu cầu họ tự đi dời hoặc ông bà sẽ đồng ý trả giá trị theo Tòa án quyết định.

** Bị đơn trình bày:*

- Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hà Thái H1 và người đại diện hợp pháp của ông H1 trình bày:

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện đòi mở lối đi của nguyên đơn với diện tích theo đơn khởi kiện và theo đo đạc thực tế 138,3m² trên thửa đất 74, trong diện tích 2.215m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng pháp của ông và bà Nguyễn Ngọc Y. Thửa đất 74 là tài sản hợp pháp của ông và bà Nguyễn Ngọc Y do ông Nguyễn Văn R chuyển nhượng trong năm 2022. Khi nhận chuyển nhượng đất, ông có biết hộ gia đình ông L đang đi lối đi này nên có yêu cầu ông R buộc gia đình ông L phải tìm lối đi khác, có cho thời gian 06 tháng và ông L cũng đồng ý. Sau đó, ông có cắm trụ kéo hàng rào bao quanh đất nhưng bị phía gia đình ông L phá và ngăn cản, không chấp hành quy định của địa phương, tự ý, ngang nhiên đổ đá đi trên thửa đất của ông mua hợp pháp. Trong khi, thực tế thửa đất của nguyên đơn không giáp liền kề với thửa đất 74 của ông mà cách hai thửa đất 61, 67 của anh T1 là con nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu mở lối đi này là không hợp lý, lối đi này không phải là lối đi duy nhất, thuận tiện nhất với nguyên đơn để ra đường công cộng, gia đình nguyên đơn còn ba lối đi khác ra đường công cộng và cả ba lối đi này đều đi qua trên các đất của các hộ dân như: Hai lối là đi ra đường đất – tức đường đê bao Sông Cần C và một lối là đi ngược lại ra đường bê tông, đi qua các thửa đất của ba hộ gia đình khác, đây là lối đi phù hợp với quy hoạch về đường giao thông nông thôn của nhà nước tại địa phương hiện nay, nếu hộ ông L đi qua các lối này thì gần hơn, ít gây thiệt hại hơn, vì trong đó có đi qua đất của người chị là bà H, là người thân trong gia đình nên nguyên đơn đi mà không cần phải đền bù giá trị đất, yêu cầu Tòa án xem xét cho phía nguyên đơn đi qua một

trong các lối đi này. Về giá trị đền bù đất, tài sản trên đất gồm 19 trụ đá bê tông thì ông không có ý kiến hoặc khiếu nại gì, nhưng ông không đồng ý cho mở lối đi qua thửa đất 74 của ông nên không nhận giá trị đền bù quyền sử dụng đất theo như phía nguyên đơn đưa ra, ngoài ra trên đất không còn tài sản gì của ông và bà Nguyễn Ngọc Y.

- Bà Nguyễn Ngọc Y và người đại diện hợp pháp của bà Y là ông Nguyễn Ngọc N và ông Huỳnh Ngọc S trình bày:

Thông nhất với lời trình bày, yêu cầu của ông Hà Thái H1, bổ sung thêm cho rằng yêu cầu đòi mở lối đi của nguyên đơn diện tích theo đơn khởi kiện và theo đo đạc thực tế 138,3m² (ngang 02 mét x dài một cạnh bằng 70,70 mét và một cạnh bằng 70,20 mét) trên thửa đất 74 thuộc quyền sử dụng pháp của ông H1, bà Y là không có cơ sở chấp nhận. Vì đất của nguyên đơn không bị vây bọc, không phải không có lối đi khác, mà là do gia đình ông L không muốn đi, lối đi này nguyên đơn chỉ mới đi từ khoảng năm 2006, vì trước năm 2006 thì nguyên đơn đi bằng lối đi khác, đó là một trong ba lối đi qua các thửa đất của các hộ ở phía sau như ông H1 đã trình bày, hơn nữa ở địa phương nguyên đơn không tôn trọng pháp luật, đi ngược lại quy định của xã nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Bởi vì yêu cầu của nguyên đơn là gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp, gây thiệt hại lớn của ông H1 và bà Y trong việc sử dụng đất không được trọn thửa, đáng lẽ họ phải yêu cầu mở lối đi trên thửa khác sẽ gần hơn, ít thiệt hại hơn và thuận tiện hơn.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh là con của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H, anh có nơi đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh, nhưng từ nhỏ đến nay anh đang sinh sống chung nhà với ông L, bà H và hàng ngày cùng đi ra, vào trên lối đi tranh chấp; anh có hai thửa đất 61, 67 tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh giáp liền kề bên ngoài với thửa 74 thuộc quyền sử dụng của ông Hà Thái H1, bà Nguyễn Ngọc Y. Anh có ý kiến và yêu cầu như ý kiến và yêu cầu của ông L, bà H về mở lối đi theo diện tích đo đạc thực tế 138,3m² (ngang 02m x dài một cạnh bằng 70,70m và một cạnh bằng 70,20m) trên thửa đất 74, trong diện tích 2.215m², tờ bản đồ 47, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông H1, bà Y.

- Chị Nguyễn Thị Y1, chị Nguyễn Thị Thanh T2, anh Thái Văn B1, anh Nguyễn Văn N1 và chị Nguyễn Thị T3 trình bày, cho rằng:

Các anh chị là con ruột, con dâu, con rể của ông L và bà H, các anh chị tuy hiện đang làm thuê, thường xuyên sinh sống tại Bình Dương, nhưng thực tế vẫn còn cư trú chung hộ ông L, bà H và thường xuyên về thăm nhà vào các dịp lễ, tết, chưa người nào có nhà ra sinh sống riêng. Các con của các anh chị cũng đang được ông L, bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa rước đi học hàng ngày. Các anh chị có ý kiến và yêu cầu như ông L, bà H.

Tại bản án sơ thẩm số 143/2024/DS-ST, ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các 147, 157, 165, 227, 224 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 245, 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các điều 100, 166 và 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ vào các Điều 12, 13, 14, 15 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông Hà Thái H1, bà Nguyễn Ngọc Y mở lối đi qua bất động sản liền kề với diện tích đất 138,3m² thuộc thửa đất 74, trong diện tích 2.215m², tờ bản đồ 47, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Lối đi có kích thước, vị trí như sau:

Hướng đông, giáp thửa 180, 191 có số đo 70,70 mét;

Hướng tây, giáp phần còn lại của thửa 74 có số đo 70,20 mét;

Hướng nam, giáp đường đê bao Sông cần chông, có số đo 02 mét;

Hướng bắc, giáp thửa 67 có số đo 02 mét.

(Thể hiện tại Sơ đồ khu đất, kèm theo công văn số: 1392/CNHTC-KTĐC ngày 11/8/2023 của Văn phòng Đ1 Chi nhánh huyện T).

2. Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới cùng trả tiền đền bù giá trị quyền sử dụng đất diện tích 138,3m² bằng 138.300.000 đồng và bồi thường giá trị tài sản (19 trụ đá) trên đất bằng 28.570.680 đồng, cộng hai khoản bằng 166.870.680 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với diện tích 41,7m², thửa 74 do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án dân sự, về chi phí tố tụng thẩm định, định giá, về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 10 năm 2024, ông Hà Thái H1 và bà Nguyễn Ngọc Y làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện thống nhất với bản án sơ thẩm đã xử; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của người đại diện hợp pháp cho các bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, thửa đất số 74 tờ bản đồ 47 diện tích 2.215m²; tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp cho ông Hà Thái H1 cùng sử dụng với bà Nguyễn Ngọc Y, nhưng là tài sản chung của vợ chồng của ông H1 và vợ chồng bà Y, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ ông H1 và chồng bà Y tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng. Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc mở lối đi qua thửa đất số 74 của ông H1, bà Y là không đúng

với sự thật khách quan, làm ảnh hưởng đến việc sử dụng và giá trị đất của bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, ghi lời khai những hộ có các thửa đất liền kề có lỗi đi mà bị đơn đưa ra, yêu cầu xác minh. Nhưng những hộ này không cho phía gia đình ông L, bà H sử dụng, đồng thời các lỗi đi này không thuận tiện, xa hơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn mở lối đi trên thửa đất số 74, phía nguyên đơn tự nguyện bồi hoàn giá trị đất và 19 cây trụ đá cho bị đơn theo Hội đồng định giá đã định, đảm bảo được quyền lợi và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn; đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của phí bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đo đạc lối đi tranh chấp, thành lập Hội đồng định giá, định giá đất và tài sản trên đất theo đúng quy định. Xác minh ngoài lối đi nguyên đơn tranh chấp và các lối đi khác theo bị đơn đưa ra. Qua xác minh làm rõ các lối đi như bị đơn trình bày là có, tuy nhiên không thuận tiện cũng như các lối đi này là lối đi nhờ qua các thửa đất của những hộ liền kề, không phải là lối đi công cộng và những hộ này cũng không đồng ý cho hộ ông L sử dụng làm lối đi. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu được mở lối đi diện tích 138,3m² trên thửa đất 74, trong diện tích 2.215m², tờ bản đồ 47, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của ông H1, bà Y và buộc ông L, bà H phải bồi hoàn giá trị đất, giá trị 19 trụ đá bê tông với tổng số tiền 166.870.680 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà Y; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Hà Thái H1 và bà Nguyễn Ngọc Y làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn được Tòa án triệu tập và có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Hà Thái H1 và bà Nguyễn Ngọc Y; Hội đồng xét xử xét thấy:

L1 đi ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Hà Thái H1, bà Nguyễn Ngọc Y mở ngang 02 mét, dài hết thửa đất số 74 có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn R chuyển nhượng lại cho ông H1, bà Y trong năm 2022, khi ông H1, bà Y chuyển nhượng đất thì phía ông L, bà H đã đi lên lối đi đang tranh chấp này, ông H1 có trao đổi với ông L tìm lối đi khác nhưng ông L không chấp nhận.

Theo Điều 254 của Bộ luật dân sự quy định quyền lối đi:

“1. Chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc bởi các bất động sản của chủ sở hữu khác mà không có hoặc không đủ lối đi ra đường công cộng, có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành cho mình một lối đi hợp lý trên phần đất của họ.

Lối đi được mở trên bất động sản liền kề nào mà được gọi là thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm cụ thể của địa điểm, lợi ích của bất động sản bị vây bọc và thiệt hại gây ra là ít nhất cho bất động sản có mở lối đi.

Chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, nếu không có thỏa thuận khác”.

Khi tranh chấp lối đi xảy ra giữa hộ ông L với ông H1, bà Y; phía ông H1, bà Y nại ra là ngoài lối đi này hộ ông L còn có 03 lối đi khác thuận tiện hơn, ngắn hơn và hơn nữa là trong bà con thân tộc không phải thực hiện bồi hoàn giá trị đất. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh, xem xét các lối đi này như phía bị đơn ông H1 trình bày và yêu cầu. Qua xác minh thực tế có các lối đi như ông H1 trình bày nhưng không phải là lối đi công cộng mà là lối đi của những hộ dân liền kề đi nhờ với nhau ra đường công cộng, các lối đi này xa hơn không thuận tiện bằng lối đi trên đất của ông H1, bà Y. Đồng thời các chủ sử dụng đất vây bọc đất của ông L cũng không đồng ý cho hộ gia đình ông L đi qua phần đất của mình. Đất của ông H1, bà Y thuộc thửa 74 có diện tích 2.215m² và lối đi yêu cầu mở nằm ở phía ngoài cùng giáp thửa đất số 180, 191 không làm cản trở, không giảm giá trị đất của ông H1, bà Y. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về mở lối đi của ông L, bà H; buộc ông L, bà H phải bồi hoàn giá trị đất, giá trị 19 trụ đá bê tông với tổng số tiền 166.870.680 đồng cho ông H1, bà H là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền theo quy định, sau khi thụ lý thực hiện việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án; đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án theo đúng quy định không có vi phạm về thủ tục tố tụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối thửa số 74 tờ bản đồ 47 diện tích 2.215m²; tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp cho ông Hà Thái H1 cùng sử dụng với bà Nguyễn Ngọc Y không phải cấp cho hộ ông H1 hoặc hộ bà Y; đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm ông H1, bà Y cũng không chứng minh đây là tài sản có liên quan đến vợ hoặc chồng của ông H1, bà Y, không yêu cầu Tòa án đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà Y, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.

[5] Xét thấy quan điểm bào chữa của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông H1, bà Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với phân tích của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông H1, bà Y không được chấp nhận nên ông H1, bà Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Thái H1, bà Nguyễn Ngọc Y.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm 143/2024/DS-ST, ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H về yêu cầu ông Hà Thái H1, bà Nguyễn Ngọc Y mở lối đi qua bất động sản liền kề.

Buộc ông Hà Thái H1, bà Nguyễn Ngọc Y mở lối đi với diện tích đất 138,3m² thuộc thửa đất 74, trong diện tích 2.215m², tờ bản đồ 47, tọa lạc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Lối đi có kích thước, tứ cận như sau:

- H, giáp thửa 180, 191 có số đo 70,70 mét;
- H, giáp phần còn lại của thửa 74 có số đo 70,20 mét;
- H, giáp đường đê bao Sông cần chông, có số đo 02 mét;
- Hướng B2, giáp thửa 67 có số đo 02 mét.

(Thể hiện tại Sơ đồ khu đất, kèm theo công văn số: 1392/CNHTC-KTĐC ngày 11/8/2023 của Văn phòng Đ1 Chi nhánh huyện T).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Hà Thái H1 và bà Nguyễn Ngọc Y mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng ông H1, bà Y được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng theo biên lai số 0006300 ngày 15/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Hùng